

Bản án số: 05/2024/KDTM-PT
Ngày: 20-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa.
Ông Lương Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Lê Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 05/2024/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 18/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở: Tầng H, Tòa nhà V, số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn D – Tổ trưởng; bà Nguyễn Thị Lê v – Cán bộ; bà Hồ Thị Mỹ D1 – Cán bộ thuộc Tổ xử lý nợ và QLKTTS Khu vực M - T của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (cùng địa chỉ liên hệ: Tầng D Tòa nhà E, số A - 183 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng), theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2024.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Việt T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân X1.

Địa chỉ trụ sở: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng P1.

Địa chỉ trụ sở: Số B, phố C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T1 – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T2 – Phó Trưởng phòng Tín dụng Chi nhánh Ngân hàng P1 Khu vực Quảng Ngãi – Bình Định; địa chỉ: Số B đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền số: 91/GUQ.NHPT.KVQNG-BĐ ngày 21/6/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng P1: Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, là nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh D2, ông Nguyễn Thế T2, bà Phạm Thị T3 có mặt; ông Hoàng V Thanh vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (sau đây viết là E) trình bày:

* Thứ nhất, về việc ký kết Hợp đồng tín dụng:

- Vào ngày 27/8/2009, E ký Hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-200902236 cho ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 vay số tiền 3.656.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí của phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu.

- Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 đã nhận nợ theo các hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ sau:

1.1. Khế ước nhận nợ số 1601-LDS-200902467 ngày 23/9/2009:

- Số tiền vay: 960.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: Từ ngày 23/9/2009 đến 30/11/2009;

- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ hạn vay, vào ngày 30/11/2009;

- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 20;

- Lãi suất cho vay: 0,875%/tháng (tương ứng 10,5%/năm);

- Lãi suất quá hạn: 1,3125%/tháng (tương ứng 15,75%/năm).

1.2. Khế ước nhận nợ số 1601-LDS-200902520 ngày 01/10/2009:

- Số tiền vay: 394.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: Từ ngày 01/10/2009 đến 30/11/2009;
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ hạn vay, vào ngày 30/11/2009;
- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 20;
- Lãi suất cho vay: 0,875%/tháng (tương ứng 10,5%/năm);
- Lãi suất quá hạn: 1,3125%/tháng (tương ứng 15,75%/năm).

* Thứ hai, về tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ, ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 được bảo lãnh vay vốn tại E theo Chứng thư bảo lãnh có giá trị đòi tiền số 14/NHPT.QNG-CTBẢO LÃNH, số phát hành chứng thư Bảo lãnh 000019515-CT ngày 11/9/2009 của Ngân hàng P1, nội dung chứng thư: Số tiền bảo lãnh 3.656.000.000 đồng và số lãi vay phát sinh trên số nợ gốc được bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa E và ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 đã trả cho E số tiền 432.586.279 đồng (gốc 417.543.000 đồng; lãi 15.043.279 đồng). Ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho E theo các hợp đồng đã ký. E đã nhiều lần gửi thông báo, công văn đề yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Doanh nghiệp tư nhân X1 vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 26/10/2023, ông Hoàng Việt T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 còn nợ E số tiền 3.711.757.284 đồng (Trong đó nợ gốc 936.457.000 đồng, lãi trong hạn 2.637.386 đồng, lãi quá hạn 2.772.662.898 đồng).

* Thứ ba, về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp:

Tính đến nay, căn cứ theo thông tin công khai trên cổng thông tin về đăng ký doanh nghiệp Q1 và công văn số 109/CV-ĐKKD ngày 09/5/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q thì Doanh nghiệp tư nhân X1 vẫn chưa giải thể; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cưỡng chế về quản lý thuế.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ, Chứng thư bảo lãnh có giá trị đòi tiền. E yêu cầu:

1. Ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân X1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm tính đến ngày 26/10/2023 là 3.711.757.284 đồng (Trong đó nợ gốc 936.457.000 đồng, lãi trong hạn 2.637.386 đồng, lãi quá hạn 2.772.662.898 đồng). Số tiền nợ này được trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 27/10/2023 cho đến khi ông Hoàng Việt T - Chủ doanh nghiệp tư nhân X1 thanh toán xong nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Trường hợp ông Hoàng Việt T - Chủ doanh nghiệp Tư nhân X1 không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên cho E thì buộc Bên bảo lãnh là Ngân hàng P1 phải có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh tại Chứng thư bảo lãnh số 14/NHPT.QNG- CTBL ngày 11/9/2009.

Tại bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Việt T - Chủ doanh nghiệp Tư nhân X1 trình bày:

Ông là chủ dự án trồng 400ha rừng nguyên sinh tại huyện T, nguồn vốn vay ưu đãi đầu tư tại Ngân hàng P1 90%, Doanh nghiệp 10% vốn đối ứng.

Đến đầu tháng 9/2009 ông được Ngân hàng P1 bảo lãnh vay vốn thương mại đã khai thác đầu tiên 80 ha rừng trồng tại dự án nói trên. Tổng dự toán được phê duyệt để được Ngân hàng Phát triển bảo lãnh 3.656.000.000 đồng.

Năm 2009, ông vay được 1.354.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, đã được Ngân hàng P1 thống nhất bảo lãnh cho Doanh nghiệp tư nhân X1 là 3.656.000.000 đồng đã nói trên.

Đến 28/9/2009 bị bão đổ bộ vào rừng, dự án thiệt hại 95% đã được các cấp kiểm tra. Doanh nghiệp tư nhân X1 không có khả năng trả nợ đã vay, chỉ mới trả được khoảng 13.000.000 đồng tiền lãi cho E. Ngân hàng P1 đã đồng ý thực hiện việc bảo lãnh, trả cho E nợ gốc: 417.543.000 đồng, đối với số tiền nợ gốc còn lại 936.457.000 đồng Ngân hàng P1 không đồng ý bảo lãnh vì cho rằng Doanh nghiệp tư nhân X1 sử dụng vốn sai mục đích. Vào khoảng năm 2010 Ngân hàng P1 và Doanh nghiệp tư nhân X1 có làm việc về vấn đề này và Doanh nghiệp tư nhân X1 thừa nhận có sử dụng một phần vốn vay không đúng mục đích với số tiền khoản 936.000.000 đồng. Sau đó, việc bảo lãnh cho doanh nghiệp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và Ngân hàng P1 thế nào, Doanh nghiệp Tư nhân X1 không rõ.

Từ tháng 9/2009 đến nay 2023 là 14 năm, ông mới thấy Ngân hàng Thương mại cổ phần X khởi kiện Doanh nghiệp tư nhân X1 và người bảo lãnh Ngân hàng P1. Ông nghĩ rằng bên cho vay và bên bảo lãnh đã làm việc xong vì Doanh nghiệp Tư nhân X1 không nhận được bất cứ giấy tờ gì về khoản nợ nói trên. Nếu bên bảo lãnh và bên cho Doanh nghiệp Tư nhân X1 vay chưa giải quyết xong thì phải “Thông báo cho bên vay biết để tìm cách giải quyết mới đúng theo pháp luật”.

Vì các lý do như trên nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 936.457.000 đồng cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng P1 trình bày như sau:

Thực hiện Quyết định số 14/2009/QĐ-TTG ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho Doanh nghiệp vay vốn của Ngân hàng thương mại và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 14/2009/QĐ-TTG ngày 21/01/2009, Chi nhánh Ngân hàng P1 (nay là Chi nhánh Ngân hàng P1 – Bình Định (DVB Q - Bình Định)) chấp thuận bảo lãnh cho DNTN Xí nghiệp

xây lắp X1 (Doanh nghiệp tư nhân X1) vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (E) theo Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 14/2009/NHPT.QNG-BLHPA ngày 11/9/2009 và Chứng thư bảo lãnh số 14/2009/NHPT.QNG-CTBL ngày 11/9/2009 để thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1601LAV2009 ngày 27/8/2009 (sau điều chỉnh thành Hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-200902236 ngày 27/8/2009) với mục đích thực hiện phương án Khai thác 80 ha rừng nguyên liệu tại huyện T. Nội dung phương án bảo lãnh như sau:

- Số tiền bảo lãnh vay vốn: 3.656.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán chi phí của phương án khai thác 80 ha rừng nguyên liệu tại huyện T, cụ thể các khoản mục như sau: *Đơn vị tính: 1.000 đồng*

1	Chi phí nhân công	1.412.080
-	<i>Chi phí phát dọn thực bì khai thác</i>	80.000
-	<i>Chi phí nhân công khai thác</i>	519.870
-	<i>Chi phí nhân công sơ chế</i>	812.210
2	Chi phí sản xuất chung	434.409
-	<i>Chia tiền cho 58 hộ dân có đất cho thuê</i>	394.409
-	<i>Chi cho công tác quản lý khai thác</i>	40.000
3	Chi phí bán hàng	1.699.664
-	<i>Chi phí làm đường công vụ</i>	523.164
-	<i>Chi phí đền bù hoa màu</i>	80.000
-	<i>Chi phí vận chuyển</i>	1.096.500
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	109.847
	Tổng cộng	3.656.000

- Kỳ hạn trả nợ: trả nợ làm 02 kỳ:

+ Kỳ 1: ngày 30/11/2009, số tiền trả nợ 1.828.000.000 đồng

+ Kỳ 2: ngày 28/02/2010, số tiền trả nợ 1.828.000.000 đồng

*. Tình hình cho vay và thực hiện phương án bảo lãnh của E:

Theo hồ sơ giải ngân vốn vay do E cung cấp, tổng số tiền đã giải ngân cho Doanh nghiệp tư nhân X1 để thực hiện phương án là 1.354.000.000 đồng trong đó:

- Khế ước nhận nợ số: 1601-LDS-200902467 ngày 23/9/2009 (theo Giấy đề nghị về việc xin rút vốn vay số 03/GĐN ngày 18/9/2009 của Doanh nghiệp tư nhân X1) với số tiền 960.000.000 đồng để thực hiện những chi phí sau:

+ Chi phí phát dọn thực bì: 80.000.000 đồng (Theo bảng kê trả tiền phát dọn thực bì).

+ Chi phí nhân công khai thác: 155.961.000 đồng (Tạm ứng 30% theo HĐKT số 13/HĐ- NC ngày 02/9/2009).

+ Chi phí nhân công sơ chế: 243.663.000 đồng (Tạm ứng 30% theo HĐKT số 14/HĐ- KT ngày 18/9/2009).

+ Chi phí làm đường công vụ: 261.582.000 đồng (Tạm ứng 50% theo HĐKT số 12/HĐ- TC ngày 01/9/2009).

+ Chi phí vận chuyển: 219.300.000 đồng (Tạm ứng 20% theo HĐKT số 15/HĐ- VC ngày 18/9/2009).

- Khế ước nhận nợ số: 1601-LDS-200902520 ngày 01/10/2009 (theo Giấy đề nghị về việc xin rút vốn vay để thực hiện phương án SXKD ngày 01/10/2009 của Doanh nghiệp tư nhân X1 – đã mượn tiền để chi trả) với số tiền 394.000.000 đồng.

Sau khi giải ngân vốn vay, E đã thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay. Tại Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay ngày 20/10/2009 đã ký giữa E và Doanh nghiệp tư nhân X1 đã khẳng định: Đơn vị đã sử dụng vốn vay đúng mục đích khai thác 80ha rừng nguyên liệu, các khoản chi tiền mặt của đơn vị đúng với nội dung các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tuy nhiên Biên bản kiểm tra này đã khẳng định:

+ Khoản chi 80.000.000 đồng là để đền bù hoa màu của từng hộ có đất làm đường khai thác ngày 26/9/2009 với danh sách 50 hộ nhận tiền (không phù hợp với nội dung chi phí vay vốn là để phát dọn thực bì).

+ 02 khoản tiền ứng theo hợp đồng nhân công sơ chế 243.663.000 đồng và tạm ứng chi phí vận chuyển gỗ về bãi là 219.300.000 đồng: E đề nghị Doanh nghiệp tư nhân X1 thu hồi lại do chưa thực hiện và hoàn trả cho E.

*. Tình hình giám sát phương án bảo lãnh và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của D3 – Bình Định:

Sau khi C báo số 9 (ngày 28+29/9/2009) quét qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gây thiệt hại nặng nề đối với các đơn vị có kinh doanh trồng rừng trong đó có Doanh nghiệp tư nhân X1. Ngày 10/11/2009 D3 đã có công văn số 521/NHPT.QNG-TDII, gửi E đồng gửi Doanh nghiệp tư nhân X1 với nội dung đề nghị tạm dừng giải ngân vốn vay đối với phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu và phối hợp với D3 – Bình Định kiểm tra thực tế tình hình thực hiện phương án và có biện pháp thu hồi lại số vốn đã giải ngân.

Tại Biên bản kiểm tra tài sản hình thành từ vốn vay ngày 08/12/2009 đã ký giữa D3 – Bình Định, E và Doanh nghiệp tư nhân X1, các Bên đã thống nhất hoàn trả 02 khoản tạm ứng chưa thực hiện với số tiền 462.963.000 đồng (nhân công sơ chế 243.663.000 đồng và vận chuyển gỗ về bãi 219.300.000 đồng)

Tại Biên bản làm việc ngày 22/10/2010 đã ký giữa D3 – Bình Định và Doanh nghiệp tư nhân X1 đã thống nhất đưa ra các ý kiến như sau:

- Khoản giải ngân chi phí phát dọn thực bì 80.000.000 đồng: chứng từ giải ngân chưa chứng minh được nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các khoản giải ngân chưa sử dụng vào phương án: tạm ứng đề sơ chế gỗ 243.663.000 đồng; tạm ứng tiền vận chuyển 219.300.000 đồng và khoản tiền vay để chi trả tiền đền bù cho các hộ dân 394.000.000 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân X1 đã cam kết sẽ thu dần và trả hết nợ đã vay chậm nhất đến ngày 31/01/2011. Nếu doanh nghiệp tư nhân không thực hiện đúng cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quá thời hạn như đã cam kết tại Biên bản làm việc ngày 22/10/2010, D3 đã có công văn số 102/NHPT.QNG-TDII ngày 24/02/2011 gửi E, về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu tại huyện T của Doanh nghiệp tư nhân X1 trong đó nêu rõ:

- D3 – Bình Định từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với 04 khoản chi phí, tổng số tiền là 936.963.000 đồng cụ thể:

+ Chi phí phát dọn thực bì khai thác: 80.000.000 đồng.

+ Chi phí tạm ứng vận chuyển: 219.300.000 đồng.

+ Chi phí tạm ứng nhân công sơ chế: 243.663.000 đồng.

+ Chi trả tiền 58 hộ dân có đất cho thuê trồng rừng: 394.000.000 đồng.

- D3 – Bình Định chấp thuận thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với 02 khoản CP với tổng số tiền 417.543.000 đồng, cụ thể:

+ Chi phí nhân công khai thác: 155.961.000 đồng.

+ Chi phí làm đường công vụ: 261.582.000 đồng

- Đề nghị E cung cấp cho D3 – Bình Định tình hình trả nợ của phương án (chi tiết thời gian trả nợ, số tiền gốc, lãi) để D3 – Bình Định có cơ sở tính toán số tiền trả nợ thay.

Ngày 10/3/2011, D3 tiếp tục có công văn số 134/NHPT.QNG-TDII gửi E, về việc tình hình trả nợ đối với phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu tại huyện T của Doanh nghiệp tư nhân X1, trong đó có nêu: DVB Q - Bình Định đã có văn bản số 102/NHPT.QNG-TDII ngày 24/02/2011 gửi E, về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu tại huyện T của Doanh nghiệp tư nhân X1, trong đó yêu cầu cung cấp cho D3 – Bình Định chi tiết thời gian trả nợ, số tiền gốc, lãi nhưng đến nay DVB Q - Bình Định vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của E và 1 lần nữa D3 – Bình Định đề nghị E sớm cung cấp cho D3 – Bình Định tình hình trả nợ của phương án trên (chi tiết thời gian trả nợ, số tiền gốc, lãi), để D3 – Bình Định có cơ sở tính toán số tiền trả nợ thay. Tiếp tục ngày 08/4/2011 D3 – Bình Định có công văn số 201/NHPT.QNG-TDII gửi E, về việc tình hình trả nợ đối với phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu tại huyện T của Doanh nghiệp tư nhân X1, với nội dung cung cấp những thông tin đã đề nghị tại văn bản số 102/NHPT.QNG-TDII ngày 24/02/2011 gửi E.

Ngày 14/4/2011 E có văn bản số 153/2011/EIB-CV về việc trả lời văn bản số 102/NHPT.QNG-TDII ngày 24/02/2011 của D3 – Bình Định, trong đó có nêu: D3 chỉ đồng ý thực hiện 1 phần nghĩa vụ bảo lãnh đối với Doanh nghiệp tư nhân X1 với lý do E cho vay không đúng mục đích, cho vay sai là không hợp lý và đề nghị các Bên phối hợp cùng nhau kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ để đạt được thỏa thuận chung.

Phản hồi ý kiến của E, ngày 19/4/2011 D3 – Bình Định có công văn số 217/NHPT.QNG-TDII gửi E thống nhất theo đề nghị của E tại văn bản số 153/2011/EIB-CV ngày 14/4/2011, đồng thời đề nghị E đưa ra thời gian cụ thể để các Bên cùng phối hợp thực hiện.

Ngày 17/5/2011 D3 tiếp tục có công văn số 271/NHPT.QNG-TDII gửi E, đề nghị E phản hồi đề nghị của D3 – Bình Định, nếu không thì xem như thống nhất nội dung văn bản số 102/NHPT.QNG-TDII ngày 24/02/2011 của D3 – Bình Định.

Ngày 18/5/2011, E tại văn bản số 214/2011/EIB- CV đề xuất thời gian làm việc giữa các Bên – ngày 24/5/2011 để rà soát kiểm tra lại hồ sơ, chứng từ sử dụng vốn của Doanh nghiệp tư nhân X1 để thống nhất phương án bảo lãnh của D3 – Bình Định.

Ngày 17/10/2011, E có văn bản số 529/2011/EIB- CV về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh gửi D3 – Bình Định trong đó đề nghị D3 – Bình Định chuyển trả cho E1 số tiền 417.543.000 đồng mà D3 đã đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản số 102/NHPT.QNG-TDII ngày 24/02/2011, số tiền còn lại các Bên cùng nhau thống nhất giải quyết dứt điểm trong thời gian sớm nhất.

Ngày 31/10/2011 D3 có văn bản số 583/NHPT.QNG-TD gửi E, đề nghị tính toán số lãi phát sinh trên số tiền được chấp thuận bảo lãnh tại văn bản số 102/NHPT.QNG-TDII ngày 24/02/2011 và thông báo đến D3 – Bình Định chậm nhất ngày 15/11/2011 để D3 – Bình Định chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Trường hợp sau thời gian trên mà E không cung cấp số liệu lãi phát sinh trên số tiền được chấp thuận bảo lãnh, D3 chỉ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trên số tiền 417.543.000 đồng.

Ngày 04/11/2011 E có văn bản số 579/2011/EIB- CV về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo công văn số 583/NHPT.QNG-TD trong đó đề nghị D3 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trên số tiền gốc 417.543.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 03/11/2011 (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt lãi chậm trả) là 682.470.308 đồng. Ngoài ra số tiền còn lại của Hợp đồng tín dụng này các Bên tiếp tục bàn bạc cùng thống nhất giải quyết dứt điểm trong thời gian sớm nhất.

Ngày 13/12/2011 D3 có văn bản số 674/NHPT.QNG-TD, về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu tại huyện T gửi E thông báo đã chuyển tiền vào tài khoản của E vào ngày 13/12/2011, để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với phương án khai thác 80ha rừng nguyên liệu tại huyện T với tổng số tiền 418.854.781 đồng (trong đó nợ gốc: 417.543.000 đồng

và nợ lãi: 1.311.781 đồng, lãi vay tính đến ngày 30/11/2009). D3 – Bình Định đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với E – Bình Định theo cam kết tại Chứng thư bảo lãnh số 14/NHPT.QNG-CTBL ngày 11/9/2009. Vì vậy, Chứng thư bảo lãnh số 14/NHPT.QNG-CTBL ngày 11/9/2009 chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 13/12/2011.

Kể từ ngày D3 có văn bản số 674/NHPT.QNG-TD ngày 13/12/2011 đến nay đã quá thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự 2015, E không có ý kiến phản hồi.

D3 đề nghị Tòa án Nhân dân huyện Sơn Tịnh áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với trách nhiệm của D3 với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với vụ án nói trên.

Ngân hàng P1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

2. Buộc ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân X1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền nợ gốc là 936.457.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Hoàng Việt T - Chủ doanh nghiệp tư nhân X1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền lãi tạm tính đến ngày 26/10/2023 là: 2.775.300.284 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 2.637.386 đồng, lãi quá hạn 2.772.662.898 đồng) và số tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 27/10/2023 cho đến khi ông Hoàng Việt T - Chủ doanh nghiệp tư nhân X1 thanh toán xong nợ cho E, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết.

4. Không chấp nhận yêu cầu buộc Bên bảo lãnh là Ngân hàng P1 phải có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh tại Chứng thư bảo lãnh số 14/NHPT.QNG-CTBL ngày 11/9/2009 trong trường hợp ông Hoàng Việt T - Chủ doanh nghiệp tư nhân X1 không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên cho E.

5. Do Hợp đồng tín dụng hết thời hiệu khởi kiện nên các thỏa thuận về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng không được áp dụng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 713/QĐ-VKS-KDTM ngày 17/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng

Ngãi yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với phần quyết định của bản án về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm của Doanh nghiệp tư nhân X1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Vào các ngày 13 và 14 tháng 11 năm 2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 26/10/2023 là 2.775.300.284 đồng (Trong đó lãi trong hạn 2.637.386 đồng, lãi quá hạn 2.772.662.898 đồng). Số tiền nợ này được trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 27/10/2023 cho đến khi ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 thanh toán xong nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Chấp nhận yêu cầu về trường hợp ông Hoàng Việt T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân X1 không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên cho E thì buộc Bên bảo lãnh là Ngân hàng P1 phải có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh tại Chứng thư bảo lãnh số 14/NHPT.QNG-CTBL ngày 11/09/2009.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng P1 tại phiên tòa:

Việc từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh một phần đối với khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân X1 tại E của Ngân hàng P1 đảm bảo đúng thủ tục, phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa các bên tại trang 3 của Chứng thư bảo lãnh. Và quy trình này cũng phù hợp với khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 Điều 5, điểm c,d khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng bảo lãnh vay vốn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng P1 là có căn cứ đúng pháp luật, nên việc E kháng cáo yêu cầu Ngân hàng P1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nếu Doanh nghiệp tư nhân X1 không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là không đúng. Ngân hàng P1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ,

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm giải thích quyền áp dụng thời hiệu khởi kiện cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Hoàng Việt N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án án.

[1.2] Ngày 01/11/2023, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử và tuyên án. Các ngày 13 và 14/11/2023, E có đơn kháng cáo; ngày 17/11/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh có quyết định kháng nghị. Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo, kháng nghị phù hợp quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[1.3] Trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-200902236 ngày 27/8/2009. Trường hợp ông Hoàng Việt T – Chủ doanh nghiệp Tư nhân X1 không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên cho E thì buộc Bên bảo lãnh là Ngân hàng P1 phải có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh tại Chứng thư bảo lãnh số 14/NHPT.QNG-CTBL ngày 11/9/2009. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp nghĩa vụ bảo lãnh*”. Tuy nhiên, tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 192/TB-TLVA ngày 08/6/2023 Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thụ lý quan hệ tranh chấp: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét tình trạng pháp lý của Doanh nghiệp tư nhân X1 (sau đây viết tắt là Doanh nghiệp tư nhân X1) do ông Hoàng Việt T làm chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 30/3/2021, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q ban hành Quyết định số 953/ĐKKD về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân X1; đồng thời, Phòng Đăng ký kinh doanh cũng thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bút lục 60). Lý do Doanh

ng nghiệp tư nhân X1 bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cưỡng chế về quản lý thuế (Bút lục 61).

[2.2] Theo quy định tại khoản 5 Điều 209 Luật Doanh nghiệp năm 2020: *“Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày thông báo tình trạng đang làm thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”*. Nội dung này cũng được Chính phủ hướng dẫn tại khoản 3 Điều 71 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp: *“Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của doanh nghiệp và ý kiến phản đối của bên có liên quan bằng văn bản, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp Q1 về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên”*.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định hiện nay Doanh nghiệp tư nhân X1 đã giải thể hay chưa, từ đó mới xác định tư cách đương sự của bị đơn đúng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về áp dụng thời hiệu khởi kiện của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 48, Điều 210, Điều 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm phổ biến, giải thích về quyền và nghĩa vụ của đương sự đối với những trường hợp mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bộ luật Tố tụng dân sự không quy định trách nhiệm của Thẩm phán về việc phổ biến và giải thích cho đương sự quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu. Mặt khác, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”*. Để bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán không được giải thích cho đương sự quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu (theo hướng dẫn tại mục 3 phần IV Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử).

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thừa nhận: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Thẩm phán đã giải thích cụ thể cho các đương sự về quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/10/2023, Chủ tọa phiên tòa giải thích cho đương sự quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu. Cụ thể: Chủ tọa phiên tòa hỏi bị đơn: *“Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm*

2015 và Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, nợ xấu để tính thời hiệu, trong trường hợp này thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng được tính là 03 năm kể từ ngày 01/12/2012. Nay ông có yêu cầu thời hiệu khởi kiện hợp đồng tín dụng không?”, bị đơn trả lời: “Luật quy định sao thì yêu cầu Tòa án giải quyết vậy” (Bút lục 311).

Trong vụ án này nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-200902236 ngày 27/08/2009. Trường hợp ông Hoàng Việt T - Chủ doanh nghiệp Tư nhân X1 không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên cho E thì buộc Bên bảo lãnh là Ngân hàng P1 phải có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh tại Chứng thư bảo lãnh số 14/NHPT.QNG-CTBL ngày 11/9/2009.

Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có Ngân hàng P1 yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với trách nhiệm bảo lãnh của Ngân hàng P1 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (Bút lục 237); còn việc bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu hay không qua câu trả lời “*Luật quy định sao thì yêu cầu Tòa án giải quyết vậy*” thì chưa có cơ sở xác định.

Việc Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cấp sơ thẩm giải thích cho các đương sự quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên cần hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Do hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nội dung kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, nên E không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho E 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000543 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng P1 không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử lại theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000543 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Hoa

Lương Văn Hùng

Nguyễn Đức Dũng